

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:46/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-7-2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hoàng Văn Khiếu;

2- Ông Trần Văn Dũng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2021/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quang C** 34 tuổi

Địa chỉ: Tổ 13 thị trấn Y.Th- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Chị **Trắng Thị N** 31 tuổi

Địa chỉ: Tổ 13 thị trấn Y.Th- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22-3-2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Quang C trình bày: Anh và chị Trắng Thị N kết hôn tháng 5 năm 2013 trên C sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND xã V- huyện L- tỉnh Y. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung đột, đỉnh điểm là vào tháng 10 năm 2020. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm và nhiều vấn đề khác. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Chị N đi làm ăn xa, anh đã nhiều lần liên lạc gọi về nhưng chị N không nghe; hai người sống ly thân hơn một năm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con

chung: Anh và chị N có hai cháu là Nguyễn Quốc Kh sinh ngày 23-6-2014 và Nguyễn Ngọc H sinh ngày 13-11-2018. Khi ly hôn anh sẽ nuôi các cháu, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng sẽ tự thoả thuận, anh không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị Trắng Thị N vắng mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho anh C được ly hôn với chị N, giao các con cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng...

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Quang C và chị Trắng Thị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng chị N không có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Anh Nguyễn Quang C và chị Trắng Thị N kết hôn năm 2013, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Kết quả xác minh tại địa phương C bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng anh C- chị N không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau. Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết anh C khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh C có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh C và chị N có hai cháu là Nguyễn Quốc Kh sinh ngày 23-6-2014 và Nguyễn Ngọc H sinh ngày 13-11-2018. Quá trình giải quyết vụ

án và tại phiên tòa anh C đề nghị được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét hoàn cảnh thực tế chị N đang đi làm ăn xa; trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Kh và cháu H thường xuyên ở với anh C; cháu Kh đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập, cần giao cả hai cháu cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Do anh C không yêu cầu nên chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Anh C không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tình cảm: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Quang C được ly hôn với chị Tráng Thị N.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; giao cả hai cháu là Nguyễn Quốc Kh sinh ngày 23-6-2014 và Nguyễn Ngọc H sinh ngày 13-11-2018 cho anh Nguyễn Quang C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Tráng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Nguyễn Quang C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận anh C đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0008545 ngày 22-3-2021.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Nguyễn Quang C có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Tráng Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô